

Số: **3701** /QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày **29** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cắt giảm, tiết kiệm thêm chi thường xuyên năm 2021 của các phòng, ban, ngành trực thuộc huyện; Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện; UBND các xã, thị trấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

Thực hiện Văn bản số 1968/UBND-KT ngày 23/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc cắt giảm, tiết kiệm thêm chi thường xuyên năm 2021 và điều hành ngân sách các tháng cuối năm;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện Thanh Oai về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện Thanh Oai về phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách của huyện Thanh Oai năm 2021;

Thực hiện Văn bản số 1968/UBND-KT ngày 23/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc cắt giảm, tiết kiệm thêm chi thường xuyên năm 2021 và điều hành ngân sách các tháng cuối năm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 46/TTr-TCKH ngày 25/6/2021 .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm, tiết kiệm thêm chi thường xuyên năm 2021 của các phòng, ban, ngành trực thuộc; các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và UBND các xã, thị trấn số tiền 7.243.000.000 đồng. (Có biểu chi tiết kèm theo)

Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu đồng.

Trong đó:



Handwritten signature or mark.

- Số tiền cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí tổ chức hội nghị, công tác trong và ngoài nước: 1.263.000.000 đồng.

- Số tiền tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm 10% dự toán đầu năm): 5.980.000.000 đồng.

Điều 2. Căn cứ số kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm 10% dự toán đầu năm) và cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị đi công tác trong và ngoài nước còn lại của năm 2021 ở Điều 1:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện Thanh Oai thực hiện điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên theo quy định.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện giữ lại tại Ngân sách các cấp đối với các cơ quan, đơn vị chi thường xuyên từ nguồn ngân sách Nhà nước.

- Các đơn vị sử dụng ngân sách chủ động rà soát các nhiệm vụ, thực hiện dự toán trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao sau điều chỉnh.

Giao phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các đơn vị thực hiện cắt giảm, tiết kiệm theo Văn bản số 1968/UBND-KT ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, các đơn vị có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND huyện;
- Lưu: VT, TCKH (Ngọc, 120).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Sáng



TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CẮT GIẢM DỰ TOÁN VÀ TIẾT KIỆM THÊM CHI THƯỜNG XUYÊN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2021

(Kèm Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Thanh Oai)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỀ LẠI NỘP NSNN				
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN (NGOÀI TK 10% DT ĐẦU NĂM)					Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1. Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước)	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm		Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10= (6-7-8-9)*10%	11=12+13 +14+15	12	13	14	15
	Tổng số	8.113	7.243	7.171	4.648	1.263	545.390	379.279	64.738	41.664	5.980	870	97	773	870	-
1	Cấp xã	3.658	3.658	6.507	4.219	1.144	132.396	70.984	29.755	6.519	2.514					
2	Cấp huyện	4.455	3.585	664	429	119	412.994	308.295	34.983	35.145	3.466	870	97	773	870	-
2.1	Khôi trường học	3.174	2.593	-	-	-	339.925	281.103	7.050	25.902	2.593	581	-	581	581	-
2.2	Khôi phòng ban	1.281	992	664	429	119	73.069	27.192	27.933	9.243	873	289	97	192	289	-

lg



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CẮT GIẢM DỰ TOÁN VÀ TIẾT KIỆM THÊM CHI THƯỜNG XUYÊN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2021

(Kèm Quyết định số **3701** /QĐ-UBND ngày **29** tháng **6** năm 2021 của UBND huyện Thanh Oai)

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỀ LẠI NỢP NSNN					
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỀ LẠI NỢP NSNN						Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN		
				1, Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Tổng cộng	Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)	
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10= (6-7-9)*10%	11=12+13 +14+15	12	13	14	15	
	Tổng số	1.281	992	664	429	119	73.069	27.192	27.933	9.243	873	289	97	192	289	-	
1	Huyện Ủy	61	61	-	-	0	17.879	5.168	10.008	2.091	61	-	-	-	-	-	
2	Mặt trận Tổ quốc	28	28	-	-	0	1.396	520	530	67	28	-	-	-	-	-	
3	Hội cựu chiến binh	24	24	86	55	16	649	361	84	128	8	-	-	-	-	-	
4	Hội phụ nữ	15	15	42	20	11	865	427	199	197	4	-	-	-	-	-	
5	Hội nông dân	5	5	120	110	5	762	474	139	185	0	-	-	-	-	-	
6	Đoàn thanh niên	20	20	129	95	17	866	506	131	194	3	-	-	-	-	-	
7	Hội người mù	14	14	54	30	12	373	-	249	105	2	-	-	-	-	-	
8	Hội chữ thập đỏ	24	24	101	54	23	587	259	177	142	1	-	-	-	-	-	
9	TT PT Quỹ đất	81	2	-	-	0	1.799	1.475	104	202	2	79	-	79	79	-	

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN					
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỜ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN						Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1, Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước		Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)	
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10= (6-7-9)*10%	11=12+13 +14+15	12	13	14	15	
10	TT Bồi dưỡng chính trị	26	26	3	-	2	3.430	633	2.489	65	24	-	-	-	-	-	
11	TT GDNN- GDTX	173	143	2	1	0	5.595	2.033	1.541	590	143	30	-	30	30	-	
12	TT VH-TD-TT	67	56	-	-	0	6.824	2.170	3.439	652	56	11	-	11	11	-	
13	VP HĐND-UBND	60	60	-	-	0	7.951	2.863	3.286	1.206	60	-	-	-	-	-	
14	Phòng Tư pháp	23	23	-	-	0	974	464	231	51	23	-	-	-	-	-	
15	Phòng TC-KH	42	42	-	-	0	2.460	1.342	336	359	42	-	-	-	-	-	
16	Phòng QLĐT	17	16	-	-	0	1.081	647	43	226	16	1	-	1	1	-	
17	Phòng Kinh tế	60	60	92	46	23	2.089	1.295	170	252	37	-	-	-	-	-	
	Phòng Kinh tế (Sự nghiệp kinh tế)	126	126	-	-	0	3.300	-	1.660	383	126	-	-	-	-	-	
18	Phòng GD-ĐT	24	24	-	-	0	1.518	960	56	260	24	-	-	-	-	-	
19	Phòng Y tế	19	19	-	-	0	1.108	360	525	38	19	-	-	-	-	-	
20	Phòng LĐTBXH	18	18	-	-	0	1.142	708	43	212	18	-	-	-	-	-	
21	Phòng VH&TT	13	13	-	-	0	1.098	626	137	205	13	-	-	-	-	-	
22	Phòng TNMT	38	38	33	16	9	3.662	994	2.054	321	29	-	-	-	-	-	
23	Phòng TNMT (Sự nghiệp môi trường)	36	36	-	-	0	500	-	-	143	36	-	-	-	-	-	

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN					
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỜ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN					Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1. Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước)	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm		Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10= (6-7-9)*10%	11=12+13 +14+15	12	13	14	15
24	Phòng Nội vụ	41	41	-	-	0	1.433	825	105	92	41	-	-	-	-	-
25	Phòng Thanh tra	21	21	2	1	1	1.341	811	85	247	20	-	-	-	-	-
26	Đội QLTTXD	37	37	-	-	0	2.387	1.271	112	630	37	-	-	-	-	-
27	Ban QLDA	168	-	-	-	-	-	-	-	-	-	168	97	71	168	-



TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CẮT GIẢM DỰ TOÁN VÀ TIẾT KIỆM THÊM CHI THƯỜNG XUYÊN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Thanh Oai)

Dvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN				
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN (NGOÀI TK 10% DT ĐẦU NĂM)					Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1. Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, công tác phí)	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm		Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10=(6-7-8-9)*10%	11=12+13+14+15	12	13	14	15
	Tổng cộng	3.658	3.658	6.507	4.219	1.144	132.396	70.984	29.755	6.519	2.514,00	-	-			
1	Bích Hòa	191	191	293	185	54	6.977	3.549	1.729	327	137					
2	Cự Khê	171	171	362	286	38	7.175	3.964	1.472	407	133					
3	Cao Viên	222	222	374	236	69	7.784	3.863	1.968	420	153					
4	Thanh Cao	187	187	314	139	88	6.418	3.385	1.457	586	99					
5	Bình Minh	215	215	385	187	99	7.757	3.926	1.986	689	116					
6	Tam Hưng	193	193	276	223	26	7.188	3.810	1.435	272	167					
7	Mỹ Hưng	154	154	346	277	34	5.710	3.346	1.128	39	120					
8	Thanh Thùy	158	158	208	110	49	5.849	3.285	1.408	60	109					
9	Thanh Văn	151	151	265	58	104	5.649	3.139	1.326	719	47					
10	Thanh Mai	185	185	367	266	51	6.221	3.087	1.372	420	134					
11	TT Kim Bài	138	138	305	238	33	5.672	3.008	1.284	328	105					
12	Kim An	135	135	340	186	77	4.618	2.622	1.059	360	58					
13	Kim Thụ	153	153	364	253	56	5.490	3.030	1.176	312	97					
14	Đỗ Động	146	146	370	265	52	5.190	2.985	1.230	32	94					
15	Phương Trung	217	217	177	93	42	7.661	4.001	1.860	55	175					
16	Dân Hòa	180	180	320	236	42	6.484	3.720	1.295	93	138					
17	Cao Dương	180	180	272	196	38	6.616	3.666	1.493	36	142					
18	Xuân Dương	160	160	266	89	89	5.375	2.829	1.172	664	71					
19	Hồng Dương	199	199	439	403	18	7.183	3.772	1.483	121	181					
20	Liên Châu	164	164	107	57	25	5.594	2.870	1.233	102	139					
21	Tân Ước	159	159	356	237	60	5.787	3.128	1.190	476	99					



TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CẮT GIẢM DỰ TOÁN VÀ TIẾT KIỆM THÊM CHI THƯỜNG XUYÊN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Thanh Oai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN				
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỜ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN (NGOÀI TK 10% DT ĐẦU NĂM)					Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1. Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, công tác phí)	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm		Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10=(6-7-8-9)*10%	11=12+13+14+15	12	13	14	15
	Tổng cộng	3.174	-	-	-	-	339.925	281.103	7.050	25.902	2.593	581	-	581	581	-
	Khối mầm non	993	-	-	-	-	121.924	106.001	2.212	6.862	684	309	-	309	309	-
1	Mầm Non Cự Khê	64					6.334	5.302	140	446	45	19		19	19	
2	Mầm Non Bích Hòa	41					4.607	3.938	91	289	29	12		12	12	
3	Mầm Non Bình Minh I	44					5.218	4.497	98	312	31	13		13	13	
4	Mầm Non Bình Minh II	28					3.459	2.996	63	200	20	8		8	8	
5	Mầm Non Thanh Cao	48					5.728	4.933	108	344	34	14		14	14	
6	Mầm Non Cao Viên	52					5.808	4.946	117	373	37	15		15	15	
7	Mầm Non Cao Viên II	35					3.524	2.957	77	245	25	10		10	10	
8	Mầm Non Tam Hưng A	34					5.376	4.823	76	239	24	10		10	10	
9	Mầm Non Tam Hưng B	27					3.794	3.347	61	193	19	8		8	8	
10	Mầm Non Thanh Thùy	55					5.702	4.802	123	389	39	16		16	16	
11	Mầm Non Mỹ Hưng	37					4.273	3.674	82	259	26	11		11	11	
12	Mầm Non Thanh Mai	40					5.426	4.768	89	285	28	12		12	12	
13	Mầm Non Kim An	20					2.861	2.545	43	137	14	6		6	6	
14	Mầm Non Kim Thư	30					3.742	3.248	68	213	21	9		9	9	
15	Mầm Non Phương Trung I	50					5.834	5.021	111	351	35	15		15	15	
16	Mầm Non Phương Trung II	37					5.074	4.463	83	264	26	11		11	11	
17	Mầm Non Cao Dương	33					3.779	3.251	72	228	23	10		10	10	
18	Mầm Non Cao Dương II	29					3.506	3.039	64	202	20	9		9	9	

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN				
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN (NGOÀI TK 10% DT ĐẦU NĂM)					Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1. Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, công tác phí)	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm		Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10=(6-7-8-9)*10%	11=12+13+14+15	12	13	14	15
19	Mầm Non Xuân Dương	33					4.135	3.596	74	233	23	10		10	10	
20	Mầm Non Dân Hòa	41					5.654	4.986	91	289	29	12		12	12	
21	Mầm Non Hồng Dương	48					5.773	4.981	107	343	34	14		14	14	
22	Mầm Non Đỗ Động	30					4.069	3.582	67	210	21	9		9	9	
23	Mầm Non Tân Ước	30					4.309	3.827	66	208	21	9		9	9	
24	Mầm Non Thanh Văn	34					4.699	4.140	76	242	24	10		10	10	
25	Mầm Non Liên Châu	31					4.208	3.690	70	224	22	9		9	9	
26	Mầm Non Thị trấn Kim Bài	42					5.032	4.649	95	144	14	28		28	28	
	Khối tiểu học	1.150	-	-	-	-	125.617	100.141	2.548	11.470	1.150	-	-	-	-	-
1	Trường tiểu học Cự Khê	52					4.401	3.256	115	515	52	-		-	-	-
2	Trường tiểu học Bích Hòa	64					5.755	4.343	141	636	64	-		-	-	-
3	Trường tiểu học Bình Minh A	42					4.337	3.401	94	421	42	-		-	-	-
4	Trường tiểu học Bình Minh B	45					5.259	4.263	100	448	45	-		-	-	-
5	Trường tiểu học Thanh Cao	58					6.249	4.957	129	582	58	-		-	-	-
6	Trường tiểu học Cao viên I	50					4.752	3.650	110	496	50	-		-	-	-
7	Trường tiểu học Cao viên II	68					5.808	4.300	151	679	68	-		-	-	-
8	Trường tiểu học Tam Hưng	67					7.282	5.803	147	666	67	-		-	-	-
9	Trường tiểu học Thanh Thùy	55					5.938	4.720	122	548	55	-		-	-	-
10	Trường tiểu học Mỹ Hưng	42					5.024	4.096	93	418	42	-		-	-	-
11	Trường tiểu học Thanh Mai	52					5.368	4.211	116	521	52	-		-	-	-
12	Trường tiểu học Kim An	18					3.001	2.608	39	177	18	-		-	-	-
13	Trường tiểu học Kim Thư	29					3.704	3.067	64	287	29	-		-	-	-
14	Trường tiểu học Phương Trung I	46					5.782	4.763	102	459	46	-		-	-	-
15	Trường tiểu học Phương Trung II	52					5.503	4.355	115	517	52	-		-	-	-
16	Trường tiểu học Cao Dương	67					7.638	6.143	149	673	67	-		-	-	-
17	Trường tiểu học Xuân Dương	35					3.937	3.170	77	345	35	-		-	-	-

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỢP NSNN				
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN (NGOÀI TK 10% DT ĐẦU NĂM)					Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1. Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, công tác phí)	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm		Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10=(6-7-8-9)*10%	11=12+13+14+15	12	13	14	15
18	Trường tiểu học Dân Hòa	56					5.885	4.646	123	558	56	-			-	
19	Trường tiểu học Hồng Dương	64					6.714	5.289	142	642	64	-			-	
20	Trường tiểu học Đỗ Động	31					4.350	3.664	69	309	31	-			-	
21	Trường tiểu học Tân Ước	31					4.311	3.622	69	310	31	-			-	
22	Trường tiểu học Thanh Văn	38					4.106	3.267	84	378	38	-			-	
23	Trường tiểu học Liên Châu	41					4.357	3.440	92	413	41	-			-	
24	Trường tiểu học Thị trấn Kim Bài	47					6.156	5.107	105	472	47	-			-	
	Khối THCS	963	-	-	-	-	90.884	74.961	2.140	6.895	691	272	-	272	272	-
1	Trường THCS Cự Khê	27					3.356	2.905	59	196	20	7		7	7	
2	Trường THCS Bích Hòa	49					4.875	4.051	108	358	36	13		13	13	
3	Trường THCS Bình Minh	67					5.937	4.813	148	488	49	18		18	18	
4	Trường THCS Thanh Cao	49					4.692	3.856	110	363	36	13		13	13	
5	Trường THCS Cao Viên	109					7.117	5.284	241	796	80	29		29	29	
6	Trường THCS Tam Hưng	60					5.606	4.601	132	437	44	16		16	16	
7	Trường THCS Thanh Thùy	46					4.327	3.556	101	335	34	12		12	12	
8	Trường THCS Mỹ Hưng	34					3.765	3.180	77	254	25	9		9	9	
9	Trường THCS Thanh Mai	41					4.087	3.399	90	299	30	11		11	11	
10	Trường THCS Kim An	15					2.379	2.131	33	108	11	4		4	4	
11	Trường THCS Kim Thư	24					2.900	2.487	54	180	18	6		6	6	
12	Trường THCS Phương Trung	84					7.075	5.658	186	616	62	22		22	22	
13	Trường THCS Cao Dương	50					4.594	3.737	113	372	37	13		13	13	
14	Trường THCS Xuân Dương	26					2.542	2.094	59	195	19	7		7	7	
15	Trường THCS Dân Hòa	48					4.434	3.635	105	347	35	13		13	13	
16	Trường THCS Hồng Dương	64					5.413	4.324	143	473	47	17		17	17	
17	Trường THCS Đỗ Động	23					2.859	2.464	52	172	17	6		6	6	
18	Trường THCS Tân Ước	24					2.669	2.266	53	175	18	6		6	6	

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ CẮT GIẢM TIẾT KIỆM	A. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									B. SỐ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ ĐỂ LẠI NỘP NSNN				
			Tổng cộng	I. KINH PHÍ CẮT GIẢM TỐI THIỂU 50% TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, CÔNG TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC			II. TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN (NGOÀI TK 10% DT ĐẦU NĂM)					Tổng cộng	Theo nội dung cắt giảm		Theo thời gian nộp NSNN	
				1, Dự toán năm 2021 hoặc số thực hiện năm 2020 (đối với trường hợp dự toán năm 2021 không chi tiết các nội dung chi tổ chức hội nghị, công tác phí)	2. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	3. Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí còn lại	1. Dự toán chi thường xuyên năm 2021	2. Quỹ tiền lương, phụ cấp (theo lương 1.490.000 đồng)	3. Các khoản không tính cắt giảm theo quy định	4. Số đã sử dụng (hoặc hoàn thiện hồ sơ) đến 15/6/2021	5. Số tiết kiệm 10% tăng thêm		Số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí	Số tiết kiệm 10% tăng thêm	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 30/9/2021)	Dự kiến số nộp NSNN đợt 1 (ngày 31/12/2021)
A	B	1=2+11	2=5+10	3	4	5	6	7	8	9	10=(6-7-8-9)*10%	11=12+13+14+15	12	13	14	15
19	Trường THCS Thanh Văn	27					3.105	2.640	61	202	20	7		7	7	
20	Trường THCS Liên Châu	32					3.034	2.492	71	236	24	8		8	8	
21	Trường THCS Nguyễn Trục - Thị trấn	64					6.118	5.388	144	293	29	35		35	35	
	Sự nghiệp giáo dục	68					1.500		150	675	68				-	